

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 5 – 2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Lệ
2. Bà Trần Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Tuyết Vân - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D** – sinh năm 1971 (vắng mặt có đơn).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P** - sinh 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2025 và những lời trình bày khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn P do quen biết rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V vào ngày 15/8/1991. Sau ngày cưới anh chị sống riêng tự lập. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh P dù còn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng

không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Nguyễn Bữu L, sinh ngày 01/8/1994 và Nguyễn Vạn P1, sinh ngày 12/6/1999 hiện nay 02 con chung đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh P không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của anh P không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa chị D và bị đơn anh P, anh P có nơi cư trú tại ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Nguyên đơn chị D có đơn xin vắng mặt không tham dự phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh P vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh P do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 15/8/1991 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị D trình bày thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi, chị D và anh P không còn chung sống với nhau từ tháng 07 năm 2023 cho đến nay. Tòa

án đã triệu tập anh P nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng anh P cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy anh P không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị D và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chị D yêu cầu ly hôn với anh P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị D xác định chị và anh P có 02 người con chung tên Nguyễn Bửu L, sinh ngày 01/8/1994 và Nguyễn Vạn P1, sinh ngày 12/6/1999 hiện nay 02 con chung đã thành niên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Chị D không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh P không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Chị D không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh P không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí sơ thẩm*: Chị D phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

** Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Con chung đã thành niên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số N^o 0009886 ngày 27/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ không phải nộp thêm.

- Anh Nguyễn Văn P không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị L1

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị L1